TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2017/KDTM-ST
Ngày: 25-9-2017
V/v Tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lễ;

2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh , đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2016/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2016 về "Tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐ - KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A. Nay đổi tên là: B

Địa chỉ trụ sở: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện thep pháp luật: Ông Lương Phú C. Chức vụ: Tổng Giám đốc. Nay được thay ông: Nguyễn Thiều S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh G, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH VP; Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc P, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Phường B, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Ông G có mặt; ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ Minh G trình bày:

Công ty A nay đổi tên là Công ty B có ký hợp đồng cho thuê tài chính số 181/2008/HĐCTTC ngày 22-5-2008 với Công ty TNHH VP cho thuê: 01 Sàlan

tự hành tải trọng 808.8 tấn, biển số SG.4292 và 01 Sàlan tự hành tải trọng 605.3 tấn, biển số SG.4802, thời gian cho thuê là 72 tháng (kể từ 09/6/2008) với giá thuê 7.500.000.000 đồng. Bên thuê tài chính trả trước 750.000.000 đồng; đặt ký cược 1.125.000.000 đồng; Số tiền còn lại 6.750.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận nợ gốc thanh toán 03 tháng 01 lần, nợ lãi thanh toán hàng tháng (có lịch trình thanh toán). Lãi suất cho thuê: 6 tháng đầu là 1.5%/ tháng; từ tháng thứ 7 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi (150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố), và điều chỉnh 6 tháng 1 lần.

Trong thời gian thuê tài chính, phía bị đơn đã trả 523.101.689 đồng nợ gốc và trả lãi 3.608.023.311 đồng, tổng cộng đã thanh toán 4.131.125.000 đồng, còn nợ lại 6.226.898.311 đồng nợ gốc và lãi tính đến ngày 14-12-2013 là 2.292.816.264 đồng thì ngưng không thanh toán nợ theo thỏa thuận.

Ngày 24-9-2013 Công ty B đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn và ngày 07-10-2013 Công ty TNHH VP bàn giao tài sản cho thuê. Đến ngày 30-6-2014, Công ty Cho thuê tài chính đã bán tài sản cho thuê, cụ thể:

Tiền bán 02 chiếc Sàlan: 4.150.000.000 đồng + tiền ký cược 1.125.000.000 đồng = 5.275.000.000 đồng – chi phí xử lý tài sản 279.678.760 đồng (trong đó: phí bảo hiểm 6.875.000 đồng, phí vận chuyển là 50.000.000 đồng, phí thẩm định là 5.000.000 đồng, phí định giá 18.050.000 đồng, phí gửi giữ tài sản là 119.000.000 đồng, phí nộp thuế giá trị gia tăng 80.753.760 đồng) còn lại 4.995.321.240 đồng.

Số tiền nợ gốc Công ty TNHH VP còn nợ Công ty B là: 6.226.898.311 đồng - 4.995.321.240 đồng = 1.231.577.071 đồng. Công ty Cho thuê tài chính nhiều lần gửi thông báo và thư mời, yêu cầu thanh toán nhưng Công ty TNHH V không có ý kiến phản hồi.

Được sự ủy quyền của Công ty B, anh G yêu cầu Công ty TNHH VP trả số tiền nợ gốc 1.231.577.071 đồng và lãi tính đến ngày 25-9-2017 là 3.816.545.682 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.048.122.753 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH VP: Thừa nhận ngày 25-5-2008, Công ty TNHH VP có ký hợp đồng thuê tài chính số 181 với Công ty B thuê 02 chiếc sàlan biển số SG.4292 và biển số SG.4802 với giá thuê, thời hạn thuê, lãi suất thuê, số tiền trả trước và số tiền ký quỹ đúng như đại diện theo ủy quyền của Công ty Cho thuê tài chính đã trình bày.

Từ năm 2009, do không có hàng hóa, chi phí nhân công, xăng dầu cao nên bị thua lỗ nhưng Công ty TNHH VP vẫn trả nợ gốc và lãi suất hàng tháng đầy đủ. Đến năm 2011, thì không còn khả năng trả gốc và lãi nữa.

Tháng 02-2013 Công ty cho thuê tài chính không cho sàlan hoạt động, đến tháng 10-2013 Công ty TNHH VP có thỏa thuận giao sàlan cho Công ty cho thuê tài chính bán để trả nợ; sau khi Tòa án huyện Châu Thành làm việc thì Công ty TNHH VP biết được giá trị 02 chiếc sàlan bán để trừ nợ và biết số tiền Công ty cho thuê tài chính khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc còn lại 1.231.577.071 đồng và lãi suất tính đến ngày 22-6-2016 là 3.486.072.482 đồng.

Ông Phúc xác định, Công ty TNHH VP còn nợ Công ty B một khoản tiền nhưng không biết cụ thể bao nhiêu, vì Công ty cho thuê tài chính bán 02 chiếc sà lan nhưng không báo cho biết bán được bao nhiêu. Hiện tại, trên giấy tờ thì

Công ty vẫn còn hoạt động, vì chưa tuyên bố phá sản nhưng thực tế thì không có hoạt động nên Công ty TNHH VP đồng ý trả nợ gốc, xin không trả nợ lãi.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 61, 62, 63 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 27, 28 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 65/2005 của Chính phủ; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của Công ty B. Buộc Công ty TNHH VP trả cho Công ty B số tiền nợ gốc 1.231.577.071 đồng và tính lãi suất theo hợp đồng cho thuê tài chính số 181. Công ty TNHH VP phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua việc hỏi, tranh tụng và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng thuê tài chính được giữa Công ty B và Công ty TNHH VP với thời gian 72 tháng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện, do Công ty TNHH VP vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 19/12/2013 hai bên lập biên bản làm việc về phương án xử lý nợ, tài sản thuê và thỏa thuận "*Sau khi xử lý tài sản thu hồi, trích thanh toán các khoản, nếu bị thiếu thì Công ty TNHH VP tiếp tục có nghĩa vụ nhận nợ và thanh toán dứt điểm (nợ gốc và nợ lãi còn lại) cho Công ty B trong vòng 24 tháng kể từ ngày xử lý được tài sản (việc thanh toán chia đều mỗi quý đến khi thanh toán hết nợ)*". Do đó, tính từ ngày xử lý tài sản 30-6-2014 thì thời hạn thanh toán tiền gốc và lãi của quý đầu tiên là ngày 30-9-2014. Như vậy, ngày 30-9-2014 là ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm và ngày 24-9-2016 Công ty B đã nộp đơn khởi kiện nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về nội dung: Ngày 22-5-2008, Công ty B và Công ty TNHH VP ký hợp đồng cho thuê tài chính số 181/2008/HĐCTTC cho thuê sàlan biển số SG.4292 và sàlan biển số SG.4802, thời gian cho thuê là 72 tháng kể từ 09/6/2008 với số tiền cho thuê 7.500.000.000 đồng, bên thuê tài chính trả trước 750.000.000 đồng; đặt ký cược 1.125.000.000 đồng; Số tiền còn lại 6.750.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trả nợ gốc 03 tháng 01 lần, nợ lãi trả hàng tháng (có lịch thanh toán tiền thuê phụ lục số 01 và 11). HĐXX căn cứ

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định hợp đồng có thật.

[4]. Do Công ty TNHH VP vi phạm Mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng cho thuê tài chính nên ngày 24-9-2013 Công ty cho thuê tài chính ra Quyết định số 0494/QĐ-CTTC chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước thời hạn. Đến ngày 03-10-2013 ra Quyết định số 0502/QĐ-CTTC thu hồi tài sản thuê. Ngày 07-10-2013 Công ty TNHH VP và Công ty B lập biên bản thu hồi tài sản thuê, giao cho Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ vận tải đường sông Thuận Thiên vận chuyển về thành phố Hồ Chí Minh với chi phí 50.000.000 đồng. Hai bên cam kết: các chi phí liên quan đến việc thu hồi tài sản như phí mua bảo hiểm, phí vận chuyển tài sản, thẩm định giá... Công ty TNHH VP có trách nhiệm thanh toán. Ngày 19-10-2013 ký hợp đồng gửi giữ tài sản với Doanh nghiệp trên với mức chi phí gửi giữ 119.000.000 đồng.

Ngày 06-12-2013 Công ty cho thuê tài chính ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá số 2262-13/HĐ-TĐG-HCM với Công ty Cổ phần thẩm định giá Exim(EXIMA). Tại Chứng thư thẩm định giá ngày 10-12-2013 của EXIMA đã định giá hai sàlan SG-4802 giá 1.800.000.000 đồng, sàlan SG-4292 giá 1.300.000.000 đồng, chi phí định giá là 5.000.000 đồng.

[5]. Tại biên bản làm việc xử lý nợ ngày 19-12-2013 tạm tính đến ngày 14-12-2013, Công ty TNHH VP còn nợ Công ty B số tiền nợ gốc 6.226.898.311 đồng, nợ lãi 2.292.816.264 đồng, tổng cộng là 8.519.714.575 đồng. Tại biên bản làm việc này, Công ty TNHH VP đồng ý xử lý tài sản nêu trên bằng cách bán tài sản cho thuê tài chính trực tiếp hoặc qua đơn vị bán đấu giá hoặc chuyển cho bên thứ ba nhận nợ hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật với giá tối thiểu bao gồm VAT là 2.000.000.000 đồng đối với sàlan SG 4292 và 2.500.000.000 đồng với sàlan SG 4802. Số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thuê sẽ được tính thanh toán theo thứ tự: thu các chi phí trong quá trình xử lý, thu hồi tài sản, phí vận chuyển, thuê kho bãi, bảo dưỡng, thẩm định giá...., thu nợ gốc hợp đồng cho thuê tài chính số 181/2008/HĐCTTC, thu nợ lãi. Sau khi xử lý tài sản thu hồi, trích thanh toán các khoản nêu trên, nếu bị thiếu thì Công ty TNHH VP tiếp tục có nghĩa vụ nhận nợ và thanh toán dứt điểm trong vòng 24 tháng kể từ ngày xử lý được tài sản (nợ thanh toán chia đều mỗi quý đến khi thanh toán hết nợ). Cuối cùng hai bên thống nhất bán theo giá trên nhưng sẽ được giảm giá từ 5% – 10% cho mỗi lần bán đấu giá không thành công cho đến khi bán được tài sản.

Ngày 20-02-2014 Công ty cho thuê tài chính ký hợp đồng bán đấu giá tài sản số 06/2014/HĐBĐG/CNĐG với chi nhánh Công ty cổ phần đấu giá Việt Nam đến ngày 26-6-2014 bán đấu giá sàlan SG 4292 cho Công ty TNHH vận tải Thúy Cường giá 1.650.000.000 đồng, phí đấu giá là 18.050.000đồng. Trực tiếp bán sàlan SG 4802 cho Công ty TNHH TMDV và Đầu tư Phát Vinh ngày 30-6-2014 giá 2.500.000.000 đồng.

Công ty TNHH VP cho rằng không biết giá trị sàlan mà phía Công ty B đã bán. Tuy nhiên, sau khi giao sàlan thì Công ty cho thuê tài chính đã nhiều lần thông báo cho Công ty TNHH VP về thời gian tham gia bán đấu giá tài sản nhưng Công ty TNHH VP không có ý kiến phản hồi, nên Công ty cho thuê tài chính bán sàlan theo những nội dung đã ký trong hợp đồng cho thuê cũng như biên bản làm việc ngày 19/12/2013 để thu hồi nợ. Do đó, việc bán sàlan của Công ty B là phù hợp.

Đối với các khoản chi phí thẩm định giá 5.000.000 đồng; phí bán đấu giá 18.050.000 đồng; phí vận chuyển sàlan 50.000.000 đồng; phí gửi salan:

119.000.000 đồng; phí bảo hiểm: 6.875.000 đồng; phí nộp thuế giá trị gia tăng do bán 02 sàlan 80.753.760 đồng {11.624.482 + 69.129.278 (BL 336, 337)}, tổng cộng là 279.678.760 đồng. Theo quy định trong hợp đồng số 181 và biên bản làm việc ngày 19/12/2013 giữa Công ty B và Công ty TNHH VP, thỏa thuận Công ty TNHH VP có trách nhiệm chịu các khoản chi phí trên sau khi xử lý tài sản thuê nên Công ty B yêu cầu là có căn cứ.

Như vậy, sau khi bán tài sản, cộng với tiền ký cược, trừ đi các chi phí xử lý tài sản còn lại 4.995.321.240 đồng. Khấu trừ vào số tiền nợ gốc 6.226.898.311 đồng, Công ty TNHH VP còn nợ Công ty B như sau: 6.226.898.311 đồng - 4.995.321.240 đồng = 1.231.577.071 đồng.

[6]. Đối với số tiền lãi suất thuê tại mục 5.1 Điều 5 của Hợp đồng thuê tài chính 181 quy định "*1,5%/tháng, được áp dụng cho 06 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 7 trở đi, áp dụng lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất cho thuê bằng 150% lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần*" và tiền lãi quá hạn tại Mục 5.2 Công ty cho thuê tài chính tính " *bằng 150% lãi suất thuê tài chính quy định tại mục 5.1 của Điều luật này*".

* Từ ngày 18-12-2011 đến ngày 14-12-2013, Công ty TNHH VP còn nợ số tiền nợ gốc 6.226.898.311 đồng, nợ lãi 2.292.816.264 đồng. Tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty B xác định nợ lãi đến ngày 14-12-2013 là 2.292.600.211 đồng (BL 366), không phải 2.292.816.264 đồng. **(1)**

Theo quy định tại Mục 7.4 Điều 7 của hợp đồng cho thuê tài chính số 181 thì: " *Đến kỳ hạn trả tiền thuê nếu bên thuê không trả tiền thuê (gốc và lãi) đầy đủ và không được bên cho thuê điều chỉnh kỳ hạn trả tiền thuê , gia hạn thời hạn thuê hoặc thời hạn điều chỉnh, gia hạn trả tiền thuê đến hạn mà bên thuê vẫn không trả đủ tiền thuê thì bên cho thuê sẽ chuyển toàn bộ dư nợ gốc, kể cả dư nợ chưa đến hạn theo hợp đồng này sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với khoản nợ đến hạn chưa trả được theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này*". Và cũng tại Mục 11.6 Điều 11 hợp đồng này quy định quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê như sau: " *Đến hạn trả tiền thuê (bao gồm gốc, lãi và lãi quá hạn nếu có) như quy định tại Điều 7, nếu bên thuê không trả tiền thuê hoặc không trả đủ thì bên cho thuê có quyền: - Chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn; - Thu hồi tài sản thuê tài chính và bán thanh lý tài sản thuê tài chính để thu hồi nợ*".

Trong quá trình thuê do Công ty TNHH VP đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên sau đó Công ty B đã ký phụ lục số 11 cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê còn lại bắt đầu từ ngày 15-12-2011 đến 15-06-2012 thanh toán nợ gốc hàng tháng 100.000.000 đồng. Từ 15-07-2012 trở đi thanh toán mỗi quý là 692.000.000 đồng (BL 67). Như vậy, số tiền nợ gốc 6.226.898.311 đồng bắt đầu kể từ ngày 15-12-2013 đến 30-6-2014 được tính lãi theo kỳ trả nợ như sau: số dư tính lãi trong hạn là 2.076.421.195 đồng, số dư quá hạn là 4.150.477.116 đồng, (có phiếu tính lãi BL 367). Cụ thể:

- Từ 15/12/2013 -14/01/2014 là 01 tháng 01 ngày

Số dư tính lãi trong hạn là 2.076.421.195 đồng x 14%/năm x 01 tháng 01 ngày = 25.032.411 đồng

Số dư tính lãi quá hạn là 4.150.477.116 đồng x 21%/năm x 01 tháng 01 ngày = 75.054.461 đồng

- Từ ngày 15/01/2014 -14/4/2014 là 03 tháng

Số dư tính lãi trong hạn là 1.384.421.195 đồng x 14%/năm x 03 tháng =

48.454.742 đồng

Số dư tính lãi quá hạn là 4.842.477.116 đồng x 21%/năm x 03 tháng = 254.230.049 đồng

- Từ ngày 15/4/2014 - 08/6/2014 là 01 tháng 25 ngày

Số dư tính lãi trong hạn là 692.421.195 đồng x 14%/năm x 01 tháng 25 ngày = 14.810.120 đồng

Số dư tính lãi quá hạn là 5.534.47.116 đồng x 21%/năm x 01 tháng 25 ngày = 177.564.474 đồng

- Từ ngày 09/6/2014 -26/6/2014 chuyển sang nợ dư quá hạn là 18 ngày

Số dư tính lãi quá hạn là 6.226.898.311 đồng x 14%/năm x 18 ngày = 65.382.432 đồng

- Từ ngày 27/6/2014 - 29/6/2014 thu nợ gốc do bán chiếc sàlan SG 4292, khấu trừ dư nợ quá hạn là 4.693.572.793, đồng quá hạn 03 ngày

Số dư tính lãi quá hạn là 4.693.572.793 đồng x 21%/năm x 03 ngày = 8.213.752 đồng

- Từ ngày 30/6/2014 thu nợ gốc do bán chiếc sàlan SG 4802, khấu trừ dư nợ quá hạn là 2.356.577.071 đồng, quá hạn 01 ngày

Số dư tính lãi quá hạn là 2.356.577.071 đồng x 21%/năm x 01 ngày = 1.374.670 đồng.

* Tiền lãi Công ty TNHH VP còn nợ tính từ 15-12-2013 đến ngày 30-06-2014 là: 25.032.411 đồng + 75.054.461 đồng + 48.454.742 đồng + 254.230.049 đồng + 14.810.120 đồng + 177.564.474 đồng + 65.382.432 đồng + 8.213.752 đồng + 1.374.670 đồng = 670.117.111 đồng. **(2)**

- Từ ngày 01/7/2014 - 06/7/2014 chưa khấu trừ số tiền ký cược nên dư nợ quá hạn còn 2.356.577.071 đồng, quá hạn 06 ngày (có phiếu tính lãi BL 368)

Số dư tính lãi quá hạn là 2.356.577.071 đồng x 21%/năm x 06 ngày = 8.248.020 đồng.

- Từ ngày 07/7/2014 - 25/9/2017 khấu trừ số tiền ký cược 1.125.000.000 đồng, dư nợ quá hạn còn lại 1.231.577.071 đồng, quá hạn 1.177 ngày (tương ứng 39 tháng 07 ngày).

Số dư tính lãi quá hạn là 1.231.577.071 đồng x 21%/năm x 39 tháng 07 ngày = 845.580.290 đồng.

* Tiền lãi từ ngày 01-7-2014 đến 25-9-2017 là 8.248.020 đồng + 845.580.290 đồng = 853.828.310 đồng. **(3)**

Tổng tiền lãi còn nợ từ ngày 18-12-2011 đến ngày 25-9-2017 là: (1) + (2) + (3) = 3.816.545.632 đồng.

Như vậy, số tiến lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng thuê, theo như cách tính của Công ty cho thuê tài chính thì những khoản này được quy định trong hợp đồng thuê ngày 22/5/2008 mà hai Công ty ký kết với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty B gút lại yêu cầu như sau: Số tiền dư nợ mới của Công ty TNHH VP tính đến ngày 25-9-2017 là 1.231.577.071 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn tính từ ngày 18-12-2011 đến ngày 25-9-2017 là 3.816.545.632 đồng. Tổng cộng các khoản mà Công ty cho thuê tài chính yêu cầu Công ty TNHH VP trả được chấp nhận là 5.048.122.703 đồng.

[7]. Về án phí: Công ty TNHH VP phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 61, 62, 63 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 27, 28 Nghị định số 16/2001/ NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 65/2005 của chính phủ hướng dẫn áp dụng về tổ chức, hoạt động của Công ty cho thuê tài chính; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/209 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A (Nay là Công ty B).

Buộc Công ty TNHH VP trả cho cho Công ty A (Nay là Công ty) số tiền nợ gốc 1.231.577.071 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25-9-2017 là 3.816.545.632 đồng. Tổng cộng: 5.048.122.703 (*Năm tỷ không trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm lẻ ba*) đồng .

2. Kể từ ngày 26-9-2017, Công ty TNHH VP còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn cho Công ty A (Nay là công ty B) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số 181/2008/HĐCTTC ngày 22-5-2008 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí: Công ty TNHH VP phải chịu 113.048.122 (*một trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn một trăm hai mươi hai)* đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty A (Nay là Công ty B) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.358.800 đồng theo Biên lai thu số 0003218 ngày 07-10-2016 của Chi cục thi hành án dân sự hành phố Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV.TAT;*
- *VKS TP. Tây Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *THADS TP. Tây Ninh;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Võ Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thanh Hùng